



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và
các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thông tin về Công ty

Quyết định thành lập số 1256/ GP-UB ngày 16 tháng 6 năm 1994

Giấy Chứng Nhận		
Đăng ký kinh doanh số	0103000008	ngày 29 tháng 2 năm 2000
	0103000008	ngày 16 tháng 3 năm 2004
	0103000008	ngày 28 tháng 6 năm 2004
	0103000008	ngày 25 tháng 4 năm 2005
	0103000008	ngày 20 tháng 6 năm 2006
	0103000008	ngày 26 tháng 7 năm 2006
	0103000008	ngày 1 tháng 9 năm 2006
	0103000008	ngày 11 tháng 12 năm 2006
	0103000008	ngày 27 tháng 6 năm 2007
	0103000008	ngày 12 tháng 2 năm 2008
	0103000008	ngày 14 tháng 1 năm 2009
	0103000008	ngày 20 tháng 4 năm 2009
	0100364579	ngày 22 tháng 4 năm 2010
	0100364579	ngày 13 tháng 12 năm 2010

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 14 lần, lần gần đây nhất là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100364579 ngày 13 tháng 12 năm 2010. Giấy Chứng Nhận Đăng ký kinh doanh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Võ Văn Mai	Chủ tịch
	Ông Tôn Quốc Bình	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Quang Hải	Thành viên
	Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên
	Ông Chu Hào	Thành viên
	Ông Phạm Việt Giang	Thành viên
	Bà Võ Hạnh Phúc	Thành viên
	Ông Vladislavs Savkins	Thành viên
		(từ ngày 22 tháng 6 năm 2010)

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Quang Hải	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc
		(đến ngày 1 tháng 2 năm 2010)

Trụ sở đăng ký 152 Thụy Khuê
Tây Hồ, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

BÁO CÁO VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất của từng năm tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan (“VAS”) nhằm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài sản và nguồn vốn hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”); kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Để lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán này;
- đưa ra các đánh giá và ước tính hợp lý và cẩn trọng;
- khẳng định rằng các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ, ngoại trừ khác biệt trọng yếu nào được công bố và giải trình trong các báo cáo tài chính hợp nhất này; và
- lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ khi việc giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh là không thích hợp.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo lưu giữ sổ sách kế toán hợp lý, nhằm công bố, với sự chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn để đảm bảo rằng sổ sách kế toán tuân thủ theo các yêu cầu của VAS. Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo toàn các tài sản của Tập đoàn và theo đó có trách nhiệm thực hiện các biện pháp hợp lý nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và các hành vi trái quy định khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con đã tuân thủ các yêu cầu trên khi lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.



Hà Nội, Việt Nam

Ngày: 08 -04- 2011



KPMG Limited
16th Floor, Pacific Place
83B Ly Thuong Kiet Street
Hoan Kiem District, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 4 năm 2011. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Vấn đề lưu ý

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng muốn lưu ý đến Thuyết minh 32(ii) trong báo cáo tài chính hợp nhất trình bày về khoản nợ thuế tiềm tàng của Công ty TNHH Giải pháp Ngân hàng và Tài chính HIPT (“HIBF Ltd.”), một công ty con sở hữu toàn phần bởi Tập đoàn. Sự tồn tại và giá trị của nghĩa vụ thuế phải nộp phụ thuộc cơ bản vào việc các cơ quan thuế có chấp thuận cho HIBF Ltd. áp dụng khung ưu đãi đã được dùng làm cơ sở tính toán thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp của HIBF Ltd. trong sáu năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đến 2010 hay không. Báo cáo tài chính hợp nhất chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào về số thuế phải trả và chi phí thuế có thể là cần thiết do kết quả của sự kiện không chắc chắn trọng yếu này.



Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 10-02-110



Mark E. Jerome

Chỉ định kiểm toán viên số 0628/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội,

08 -04- 2011

Trần Hằng Thu

Chỉ định kiểm toán viên số N.0877/KTV

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		383.738.070.974	408.207.075.129
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	144.047.885.577	95.964.936.328
Tiền	111		20.627.885.577	73.464.936.328
Các khoản tương đương tiền			123.420.000.000	22.500.000.000
Đầu tư ngắn hạn	120		-	410.956.794
Đầu tư ngắn hạn	121		-	410.956.794
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	4	200.672.037.675	270.794.208.643
Phải thu khách hàng	131	4	178.371.162.151	222.926.130.546
Trả trước cho người bán	132		9.026.202.626	22.949.823.118
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134	4	6.214.251.330	10.410.562.564
Các khoản phải thu khác	135	4	14.618.674.643	15.875.509.009
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	4	(7.558.253.075)	(1.367.816.594)
Hàng tồn kho	140	5	27.680.615.821	37.063.580.069
Hàng tồn kho	141		29.120.720.359	37.111.003.686
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.440.104.538)	(47.423.617)
Tài sản ngắn hạn khác	150		11.337.531.901	3.973.393.295
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		571.809.906	565.713.410
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		499.453.949	226.603.682
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		3.521.511	965.114
Tài sản ngắn hạn khác	158		10.262.746.535	3.180.111.089

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

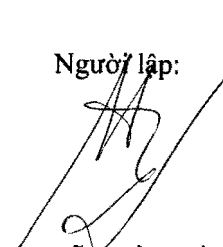
Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

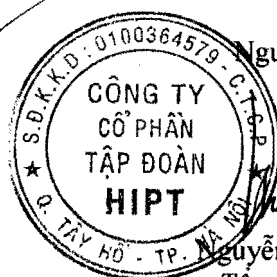
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tài sản dài hạn	200		193.882.472.440	190.732.412.494
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.200.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	218		1.200.000.000	-
Tài sản cố định	220		43.110.016.093	42.750.406.990
Tài sản cố định hữu hình	221	6	15.142.912.257	14.042.255.324
Nguyên giá	222		35.952.257.172	34.613.778.741
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.809.344.915)	(20.571.523.417)
Tài sản cố định vô hình	227	7	3.475.422.678	3.754.663.872
Nguyên giá	228		5.355.483.723	5.257.756.533
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.880.061.045)	(1.503.092.661)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	8	24.491.681.158	24.953.487.794
Bất động sản đầu tư	240	9	23.505.890.741	23.790.230.456
Nguyên giá	241		24.789.857.165	23.790.230.456
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.283.966.424)	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	110.124.025.478	111.288.173.933
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	252		21.119.435.478	28.233.583.933
Đầu tư dài hạn khác	258		89.004.590.000	83.054.590.000
Tài sản dài hạn khác	260		15.942.540.128	12.903.601.115
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	3.155.485.860	3.466.391.435
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	11.679.772.170	8.114.566.000
Tài sản dài hạn khác	268		251.052.925	275.437.979
Lợi thế thương mại	269	14	856.229.173	1.047.205.701
TỔNG TÀI SẢN	270		577.620.543.414	598.939.487.623

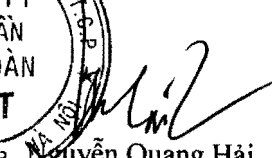
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		157.379.655.140	273.063.161.169
Nợ ngắn hạn	310		116.707.291.314	232.297.482.797
Vay ngắn hạn	311	15	9.619.466.011	87.880.500.400
Phải trả người bán	312		34.405.014.876	62.123.047.630
Người mua trả tiền trước	313		17.832.070.931	8.142.315.200
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	13.511.708.949	29.639.738.790
Phải trả người lao động	315		2.289.241.754	1.960.054.753
Chi phí phải trả	316		6.449.297.955	3.716.904.579
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		1.234.108.194	3.884.164.033
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	26.565.852.966	34.950.757.412
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	2(w)	4.800.529.678	-
Nợ dài hạn	330		40.672.363.826	40.765.678.372
Nợ dài hạn khác	333	18	36.646.963.372	37.898.588.372
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	335	13	1.173.436.967	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	19	1.936.042.609	2.146.090.000
Dự phòng bảo hành	337	19	915.920.878	721.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		420.240.888.274	325.876.326.454
Vốn chủ sở hữu	410	20	420.240.684.775	325.859.085.159
Vốn góp	411	20	182.187.240.000	96.090.620.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		179.640.530.000	170.435.150.000
Cổ phiếu quỹ	414	20	(10.786.260.780)	(1.151.640.000)
Quỹ đầu tư phát triển	417	21	12.788.285.298	3.592.071.440
Quỹ dự phòng tài chính	418	21	12.261.618.477	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		44.149.271.780	56.892.883.719
LỢI ÍCH CÔ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		203.499	17.241.295
TỔNG NGUỒN VỐN	440		577.620.543.414	598.939.487.623

Người lập:

 Nguyễn Trần Hiền
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

 Nguyễn Quang Hải
 Tổng Giám đốc

08 -04- 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ Đã điều chỉnh lại
Tổng doanh thu	01	22	663.241.914.108	700.196.015.047
Các khoản giảm trừ	02	22	(194.970.000)	(320.327.841)
Doanh thu thuần	10	22	663.046.944.108	699.875.687.206
Giá vốn hàng bán	11	23	(520.217.068.059)	(530.449.628.742)
Lợi nhuận gộp	20		142.829.876.049	169.426.058.464
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	17.347.044.557	7.326.110.286
Chi phí tài chính	22	25	(16.355.761.343)	(28.317.602.910)
Chi phí bán hàng	24		(29.418.599.407)	(24.332.499.451)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(66.728.219.090)	(52.176.290.633)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		47.674.340.766	71.925.775.756
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31		2.685.378.421	1.452.119.138
Chi phí khác	32	26	(6.652.983.397)	(4.480.840.787)
Lỗ từ đầu tư vào các công ty liên kết	40		(322.556.272)	-
Lợi nhuận trước thuế	50		43.384.179.518	68.897.054.107
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	(9.863.554.276)	(17.497.295.098)
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	27	2.391.769.203	7.897.948.926
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		35.912.394.445	59.297.707.935
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61		(17.037.796)	(209.527.794)
Chủ sở hữu của Công ty	62		35.929.432.241	59.507.235.729
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.110	4.026

Người lập:

Nguyễn Trần Hiền
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Quang Hải
Tổng Giám đốc

08-04-2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

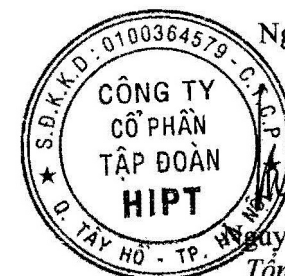
Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Chênh lệch tỷ giá VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	96.090.620.000	170.435.150.000	(23.471.256.000)	-	6.055.955.672	2.267.738.357	40.750.878.387	292.129.086.416
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-	-	(1.800.856.659)	-	-	-	(1.800.856.659)
Cổ phiếu quỹ tái phát hành	-	(18.613.228.500)	22.319.616.000	-	-	-	-	3.706.387.500
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	61.308.092.388	61.308.092.388
Phân bổ vào các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	6.076.649.274	7.804.956.637	(24.298.702.397)	(10.417.096.486)
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	-	-	-	(19.066.528.000)	(19.066.528.000)
Sử dụng các quỹ	-	18.613.228.500	-	-	(8.540.533.506)	(10.072.694.994)	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010 – theo báo cáo trước đây	96.090.620.000	170.435.150.000	(1.151.640.000)	(1.800.856.659)	3.592.071.440	-	58.693.740.378	325.859.085.159
<i>Điều chỉnh lại (Thuyết minh 2(c) và 34)</i>	-	-	-	1.800.856.659	-	-	(1.800.856.659)	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010 – điều chỉnh lại	96.090.620.000	170.435.150.000	(1.151.640.000)	-	3.592.071.440	-	56.892.883.719	325.859.085.159
Phát hành cổ phiếu	86.096.620.000	9.205.380.000	-	-	-	-	-	95.302.000.000
Cổ phiếu quỹ tái phát hành	-	-	(9.634.620.780)	-	-	-	-	(9.634.620.780)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	35.929.432.241	35.929.432.241
Phân bổ vào các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	9.196.213.858	12.261.618.477	(21.457.832.335)	-
Chuyển sang quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(8.148.683.845)	(8.148.683.845)
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	-	-	-	(19.066.528.000)	(19.066.528.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	182.187.240.000	179.640.530.000	(10.786.260.780)	-	12.788.285.298	12.261.618.477	44.149.271.780	420.240.684.775

Người lập:

Nguyễn Trần Hiền
Kế toán trưởng

08-04-2011



Người duyệt:

Nguyễn Quang Hải
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

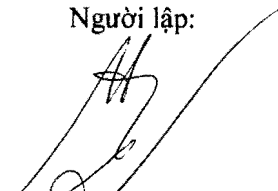
	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		43.384.179.518	68.897.054.107
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		4.398.104.878	4.417.485.665
Các khoản dự phòng	03		8.270.018.472	1.706.948.874
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	05		(47.629.930)	-
Xóa sổ tài sản cố định	05		-	665.103.358
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05		(1.162.197.677)	1.800.856.659
Thu nhập tiền lãi và cổ tức	05		(14.358.621.049)	(5.753.446.448)
Chi phí lãi vay	06		3.696.015.317	7.849.104.326
Lỗ từ đầu tư vào các công ty liên kết	07		864.148.455	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		45.044.017.984	79.583.106.541
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		57.521.638.461	(92.480.043.959)
Biến động hàng tồn kho	10		7.942.859.710	16.343.681.705
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(30.691.856.623)	38.478.935.383
Biến động chi phí trả trước	12		310.905.575	727.998.059
			80.127.565.107	42.653.677.729
Tiền lãi vay đã trả	13		(3.696.015.317)	(7.849.104.326)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(17.571.608.858)	(7.018.657.862)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(8.255.944.679)	(10.672.437.765)
Tiền thuần thu từ các hoạt động kinh doanh	20		50.603.996.253	17.113.477.776
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(6.318.940.968)	(2.203.213.436)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		490.684.924	-
Tiền chi đầu tư góp vốn đầu tư vào các đơn vị khác	25		(1.575.000.000)	(12.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư	26		2.285.956.794	5.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27		14.236.471.506	5.753.446.448
Tiền thuần thu từ/(chi cho) các hoạt động đầu tư	30		9.119.172.256	(3.449.766.988)

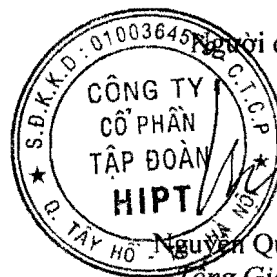
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

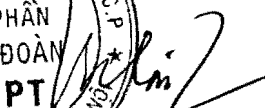
	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ	31		95.302.000.000	3.706.387.500
Tiền chi mua lại cổ phiếu	32		(9.634.620.780)	-
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		179.528.857.126	310.137.199.217
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(257.789.891.515)	(306.600.185.936)
Tiền trả cổ tức	36		(19.066.528.000)	(19.066.528.000)
Tiền thuần chi cho các hoạt động tài chính	40		(11.660.183.169)	(11.823.127.219)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		48.062.985.340	1.840.583.569
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		95.964.936.328	94.026.605.677
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		19.963.909	97.747.082
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	3	144.047.885.577	95.964.936.328

Người lập:


 Nguyễn Trần Hiền
 Kế toán trưởng



Người duyệt:


 Nguyễn Quang Hải
 Tổng Giám đốc

08 -04- 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Công ty và các công ty con của Công ty (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh. Các hoạt động chính của Tập đoàn là cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin (“CNTT”) như tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm, phân phối các sản phẩm CNTT; bảo dưỡng và bảo trì thiết bị CNTT và hệ thống CNTT.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn có 387 nhân viên (31/12/2009: 417 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

(i) Cơ sở kế toán chung

Báo cáo tài chính hợp nhất trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(ii) Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát, được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc của sự ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ sau đó trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Trong năm 2009, Tập đoàn áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái mà theo đó các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại vào cuối kỳ các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ và các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được phép hoãn lại.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, Tập đoàn thay đổi chính sách kế toán chuyển sang áp dụng Chuẩn mực Kế toán số 10 – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái. Chuẩn mực này yêu cầu chênh lệch tỷ giá hối đoái phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi các chênh lệch này liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của Công ty và các công ty con, khi đó các khoản chênh lệch này được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi Công ty hoặc công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng. Khi Công ty hoặc công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu Chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Trả trước Dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Việc thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng hồi tố và số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được điều chỉnh lại như được trình bày trong thuyết minh 34.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	25 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 6 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 25 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5-8 năm.

(iii) Thương hiệu

Chi phí mua thương hiệu và nhãn hiệu được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Thương hiệu và nhãn hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong toàn bộ thời gian hữu dụng ước tính.

(j) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và bất kỳ chi phí phân bổ trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động hiện tại cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư tăng trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ quyền sử dụng đất	20 năm
▪ nhà cửa	20 năm

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 15 đến 36 tháng.

(m) Hợp đồng xây dựng cơ bản dở dang

Hợp đồng xây dựng cơ bản dở dang được phản ánh theo giá vốn cộng với lợi nhuận ước tính cho đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán trừ đi dự phòng lỗ dự kiến. Giá vốn phản ánh các khoản chi phí liên quan trực tiếp và có thể tính vào giá thành theo hợp đồng xây dựng. Thặng dư hoặc thâm hụt của hợp đồng xây dựng cơ bản dở dang so với thanh toán theo tiến độ hợp đồng xây dựng và tạm ứng từ khách hàng được thể hiện là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng.

(n) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, công nợ và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(p) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ tích hợp hệ thống và phát triển và dịch vụ phần mềm ứng dụng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc chủ yếu dựa trên tiến độ thực tế, thời gian làm việc hay các chi phí phát sinh, căn cứ vào phương pháp phù hợp cho mỗi loại hợp đồng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu liên quan đến dịch vụ bảo hành thiết bị CNTT và bảo trì hệ thống được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn bảo hành.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(v) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các nhà đầu tư này.

(w) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích cung cấp các khoản phúc lợi nhân viên.

(x) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	1.133.859.358	1.317.224.937
Tiền gửi ngân hàng	19.494.026.219	72.147.711.391
Các khoản tương đương tiền	123.420.000.000	22.500.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	144.047.885.577	95.964.936.328

Bao gồm trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có số ngoại tệ trị giá 924 triệu VNĐ (31/12/2009: 8.041 triệu VNĐ).

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

4. Các khoản phải thu ngắn hạn

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Phải thu từ các công ty liên quan		
Thương mại	862.901.928	5.378.274.085

Các khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng bao gồm:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Lũy kế doanh thu theo hợp đồng ghi nhận tại thời điểm đầu năm	10.410.562.564	16.581.220.704
Doanh thu theo hợp đồng ghi nhận trong năm	6.726.722.205	809.596.522
Lũy kế doanh thu theo hợp đồng ghi nhận tại thời điểm cuối năm	17.137.284.769	17.390.817.226
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng	(10.923.033.439)	(6.980.254.662)
	6.214.251.330	10.410.562.564

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Phải thu các khoản cho nhân viên vay	12.388.813.333	12.884.449.191
Phải thu khác	2.229.861.310	2.991.059.818
	14.618.674.643	15.875.509.009

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	1.367.816.594	989.919.781
Tăng dự phòng trong năm	6.343.410.447	377.896.813
Dự phòng sử dụng trong năm	(30.208.221)	-
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(122.765.745)	-
Số dư cuối năm	7.558.253.075	1.367.816.594

5. Hàng tồn kho

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Hàng mua đang đi trên đường	199.846.193	7.879.066.423
Công cụ và dụng cụ	58.213.404	58.213.404
Sản phẩm dở dang	10.819.099.369	1.411.006.276
Hàng hóa	15.324.679.477	27.360.871.807
Hàng gửi đi bán	2.718.881.916	401.845.776
	29.120.720.359	37.111.003.686
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.440.104.538)	(47.423.617)
	27.680.615.821	37.063.580.069

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	47.423.617	-
Tăng dự phòng trong năm	1.440.104.538	47.423.617
Hoàn nhập	(47.423.617)	-
Số dư cuối năm	1.440.104.538	47.423.617

Trong hàng hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có 2.607 triệu VNĐ (31/12/2009: 75 triệu VNĐ) hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	10.550.268.696	19.379.316.043	4.121.532.813	562.661.189	34.613.778.741
Tăng trong năm	-	4.652.532.224	-	-	4.652.532.224
Thanh lý	-	(2.751.427.038)	-	-	(2.751.427.038)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(562.626.755)	-	-	(562.626.755)
Số dư cuối năm	10.550.268.696	20.717.794.474	4.121.532.813	562.661.189	35.952.257.172
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu năm	2.110.053.724	15.765.976.962	2.575.958.026	119.534.705	20.571.523.417
Khấu hao trong năm	422.010.748	1.639.782.565	515.191.602	57.119.052	2.634.103.967
Thanh lý	-	(2.308.372.044)	-	-	(2.308.372.044)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(87.910.425)	-	-	(87.910.425)
Số dư cuối năm	2.532.064.472	15.009.477.058	3.091.149.628	176.653.757	20.809.344.915
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	8.440.214.972	3.613.339.081	1.545.574.787	443.126.484	14.042.255.324
Số dư cuối năm	8.018.204.224	5.708.317.416	1.030.383.185	386.007.432	15.142.912.257

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản trị giá 7.898 triệu VNĐ được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (31/12/2009: 8.317 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 8.018 triệu VNĐ (31/12/2009: 8.440 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Thương hiệu VNĐ	Phần mềm máy vi tính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	3.926.442.619	588.000.000	743.313.914	5.257.756.533
Tăng trong năm	-	-	97.727.190	97.727.190
Số dư cuối năm	3.926.442.619	588.000.000	841.041.104	5.355.483.723
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	785.288.521	373.947.224	343.856.916	1.503.092.661
Khấu hao trong năm	157.057.705	85.517.592	134.393.087	376.968.384
Số dư cuối năm	942.346.226	459.464.816	478.250.003	1.880.061.045
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	3.141.154.098	214.052.776	399.456.998	3.754.663.872
Số dư cuối năm	2.984.096.393	128.535.184	362.791.101	3.475.422.678

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 các tài sản cố định vô hình có giá trị ghi sổ là 2.984 triệu VNĐ (31/12/2009: 3.141 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	24.953.487.794	47.242.395.170
Tăng trong năm	1.131.681.600	1.501.323.080
Chuyển sang các tài sản nắm giữ để cho thuê tài chính	(1.593.488.236)	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(23.790.230.456)
Số dư cuối năm	24.491.681.158	24.953.487.794

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, chi phí xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 21.300 triệu VNĐ (31/12/2009: 21.300 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Bao gồm trong nguyên giá của chi phí xây dựng cơ bản dở dang có 23.371 triệu VNĐ liên quan đến khu nhà thấp tầng tại cùng địa chỉ với Công ty. Việc xây dựng khu nhà này một phần do các cá nhân tài trợ với số tiền là 25.349 triệu VNĐ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, việc xây dựng khu nhà này đã cơ bản hoàn thành; tuy nhiên, Công ty và các cá nhân liên quan vẫn chưa thỏa thuận xong về quyền sở hữu khu nhà và các nghĩa vụ tài chính của các bên. Do đó, Công ty hiện tại ghi nhận tổng chi phí cho khu nhà này là chi phí xây dựng cơ bản dở dang và số tiền nhận được từ các cá nhân này là nợ phải trả dài hạn khác như được trình bày trong Thuyết minh 18.

9. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Nhà cửa VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	22.122.085.200	1.668.145.256	23.790.230.456
Mua mới	-	436.999.954	436.999.954
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	562.626.755	562.626.755
Số dư cuối năm	22.122.085.200	2.667.771.965	24.789.857.165
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	1.106.104.260	89.951.739	1.196.055.999
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	87.910.425	87.910.425
Số dư cuối năm	1.106.104.260	177.862.164	1.283.966.424
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	22.122.085.200	1.668.145.256	23.790.230.456
Số dư cuối năm	21.015.980.940	2.489.909.801	23.505.890.741

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, bất động sản đầu tư liên quan đến một mảnh đất chưa sử dụng đang được giữ để bán tại Đà Nẵng và nhà cửa trên mảnh đất đó.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, bất động sản đầu tư có giá trị ghi sổ là 21.016 triệu VNĐ (31/12/2009: 22.122 triệu) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Công ty chưa thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

10. Các khoản đầu tư

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ Đã điều chỉnh lại
Đầu tư dài hạn dạng vốn chủ sở hữu vào:		
▪ các công ty liên kết, liên doanh	21.119.435.478	28.233.583.933
▪ các đơn vị khác	89.004.590.000	83.054.590.000
	110.124.025.478	111.288.173.933

Biến động trong năm của đầu tư tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Số dư đầu năm	28.233.583.933	16.233.583.933
Tăng trong năm	-	12.000.000.000
Giảm trong năm	(6.250.000.000)	-
Lỗi từ đầu tư vào các công ty liên kết	(864.148.455)	-
Số dư cuối năm	21.119.435.478	28.233.583.933

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

11. Các đơn vị trong Tập đoàn

Dưới đây là danh sách các công ty con, công ty liên kết, liên doanh quan trọng của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12:

Các công ty con	Hợp nhất	% sở hữu và quyền biểu quyết	
		2010	2009
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tin học HIPT (“HIST Ltd.”)	Có	100%	100%
Công ty TNHH HIPT Mobile (trước đây là Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống HIPT (“HISI Ltd.”))	Có	100%	100%
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT (“HIPT Invest”)	Có	100%	100%
Công ty TNHH Giải pháp Ngân hàng và Tài chính HIPT (“HIBF Ltd.”)	Có	100%	100%
Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT (“HISC Ltd.”)	Có	100%	100%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn Nhân lực Chân trời mới Hà Nội (“New Horizons JSC”)	Có	78%	78%
Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Thông tin HIPT (“HISN Ltd.”)	Có	100%	100%
Trường Kỹ nghệ thực hành HIPT (“Trường HIPT”)	Có	100%	100%
Công ty TNHH MTV HIPT Sài Gòn (“HISG Ltd.”)	Có	100%	(fn1)

(fn1): Công ty TNHH HIPT Sài Gòn là một công ty con được thành lập mới trong năm 2010.

Các công ty con này, ngoại trừ Công ty TNHH HIPT Sài Gòn, có cùng địa chỉ với Công ty tại 152 Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam. Công ty TNHH HIPT Sài Gòn có địa chỉ tại 222-224 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Các công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ	Hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu	% sở hữu và quyền biểu quyết	
			2010	2009
Công ty Cổ phần Đội Công nghệ 3D Hà Nội	Tầng 2, Căn hộ F, 28 Xuân La, phường Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam	Có	25%	25%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt	152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam	Có	35%	35%
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Lam Hồng	2 Vũ Quang, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Có	26%	26%
Công ty TNHH Giải pháp HIMC	152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam	Có	32%	32%
Công ty Cổ phần Di động Trực tuyến	781/C9 Lê Hồng Phong, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Có	(fn2)	25%
Công ty Cổ phần Tin học - Viễn thông Hàng không	Tòa nhà Arimex, 414 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội, Việt Nam	Có	20%	20%
Thời báo Doanh nhân	64 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam	Có	50%	50%

(fn2): Từ ngày 30 tháng 6 năm 2010, Tập đoàn giảm lợi ích vốn chủ sở hữu xuống 17,5% (31/12/2009: 25%) tại Công ty Cổ phần Di động Trực tuyến. Theo đó, khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Di động Trực tuyến được hạch toán như một khoản đầu tư dài hạn trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Số dư đầu năm	3.466.391.435	4.194.389.494
Tăng trong năm	4.859.474.829	4.178.790.831
Thanh lý và kết chuyển	(668.227.729)	-
Phân bổ trong năm	(4.502.152.675)	(4.906.788.890)
Số dư cuối năm	3.155.485.860	3.466.391.435

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tài sản thuế hoãn lại:		
Doanh thu chưa thực hiện	6.180.409.173	8.114.566.000
Dự phòng phải thu khó đòi	379.118.886	-
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	4.419.166.664	-
Các khoản mục khác	701.077.447	-
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	11.679.772.170	8.114.566.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Thưởng hiệu quả hoạt động	1.173.436.967	-
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.173.436.967	-

(ii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2010		31/12/2009	
	Chênh lệch tạm thời VNĐ	Giá trị tính thuế VNĐ	Chênh lệch tạm thời VNĐ	Giá trị tính thuế VNĐ
HISC Ltd.	25.350.526	6.337.632	25.350.526	6.337.631
HIST Ltd.	272.859.919	68.214.980	272.859.919	68.214.980
HISI Ltd.	1.769.505.382	442.376.346	1.388.698.902	347.174.726
New Horizons JSC	1.874.458.404	468.614.601	1.874.458.404	468.614.601
Trường HIPT	3.973.321.370	993.330.343	3.845.554.441	961.388.610
HIPT Invest	-	-	17.676.666.654	4.419.166.664
HISN Ltd.	5.580.868.016	1.395.195.303	1.627.861.549	406.965.387
HIBF Ltd.	353.351.861	17.667.593	-	-
HISG Ltd.	257.456.571	64.364.143	-	-
	14.107.172.049	3.456.100.941	26.711.450.395	6.677.862.599

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VNĐ
2012	Chưa quyết toán	3.232.515.276
2013	Chưa quyết toán	2.112.225.728
2014	Chưa quyết toán	3.690.042.737
2015	Chưa quyết toán	5.072.388.308
		14.107.172.049

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

14. Lợi thế thương mại

	VNĐ
Giá gốc	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	1.909.765.277
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	862.559.576
Khấu hao trong năm	190.976.528
Số dư cuối năm	1.053.536.104
Giá trị còn lại	
Số dư cuối năm	856.229.173
Số dư đầu năm	1.047.205.701

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

15. Vay ngắn hạn

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Vay ngắn hạn		
Khoản vay 1 (a)	9.619.466.011	-
Khoản vay 2	-	50.995.807.435
Khoản vay 3	-	36.884.692.965
	9.619.466.011	87.880.500.400

- a. Khoản vay này được đảm bảo bằng 7.200.000 cổ phiếu của Ngân hàng Bảo Việt có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 72.000 triệu VNĐ được thế chấp cho bên cho vay. Trong năm, khoản vay chịu lãi suất là 4,55% một năm. Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3.000.000 USD. Dư nợ gốc của khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 508.106 USD.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	4.286.820.482	10.957.046.248
Thuế xuất nhập khẩu	127.066.188	1.088.622.707
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.973.806.949	17.487.093.215
Thuế thu nhập cá nhân	121.050.345	104.255.820
Thuế và các khoản phải nộp khác	2.964.985	2.720.800
	13.511.708.949	29.639.738.790

17. Các khoản phải trả khác

Phải trả khác gồm:

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội	687.397.305	19.394.163
Phí công đoàn	181.232.611	171.157.345
Doanh thu chưa thực hiện	25.619.106.940	33.951.406.750
Bảo hiểm thất nghiệp	70.916.559	-
Phải trả khác	7.199.551	808.799.154
	26.565.852.966	34.950.757.412

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

18. Nợ dài hạn khác

Nợ dài hạn khác bao gồm:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tiền nhận được liên quan đến việc xây dựng Khu nhà 152 Thụy Khuê (Thuyết minh số 8)	25.348.588.372	25.348.588.372
Nguồn vốn đầu tư ủy thác	11.298.375.000	12.550.000.000
	36.646.963.372	37.898.588.372

19. Dự phòng

Biến động dự phòng trong năm như sau:

	Chi phí bảo hành VNĐ	Trợ cấp thôi việc VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư đầu năm	721.000.000	2.146.090.000	2.867.090.000
Trích lập dự phòng trong năm	536.893.081	111.440.636	648.333.717
Sử dụng dự phòng trong năm	(302.907.718)	(321.488.027)	(624.395.745)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(39.064.485)	-	(39.064.485)
Số dư cuối năm	915.920.878	1.936.042.609	2.851.963.487

(i) Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong năm 2009 và 2010. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 mươi lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn đã đóng 150 triệu VNĐ (2009: 176 triệu VNĐ) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2010		31/12/2009	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ Đã điều chỉnh lại
Vốn cổ phần được duyệt	18.614.336	186.143.360.000	15.062.200	150.622.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	18.218.724	182.187.240.000	9.609.062	96.090.620.000
	18.218.724	182.187.240.000	9.609.062	96.090.620.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	558.598	10.786.260.780	75.798	1.151.640.000
	558.598	10.786.260.780	75.798	1.151.640.000
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	17.660.126	171.400.979.220	9.533.264	94.938.980.000
	17.660.126	171.400.979.220	9.533.264	94.938.980.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2010		2009	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu năm	9.533.264	94.938.980.000	9.287.989	72.619.364.000
Cổ phiếu quỹ mua trong năm	(482.800)	(9.634.620.780)	-	-
Cổ phiếu quỹ tái phát hành trong năm	-	-	245.275	22.319.616.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	8.609.662	86.096.620.000	-	-
Số dư cuối năm	17.660.126	171.400.979.220	9.533.264	94.938.980.000

21. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được thành lập để bảo vệ Tập đoàn trước các rủi ro tài chính.

22. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hoá đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	488.286.197.519	641.458.297.957
▪ Cung cấp dịch vụ	168.549.363.542	49.186.561.339
▪ Cho thuê	5.814.389.977	9.551.155.751
▪ Tiêu dùng nội bộ	591.963.070	-
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(194.970.000)	(222.715.091)
▪ Chiết khấu thương mại	-	(97.612.750)
Doanh thu thuần	663.046.944.108	699.875.687.206

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

23. Giá vốn hàng bán

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tổng giá vốn hàng bán của		
▪ Hàng hoá đã bán	401.906.470.774	504.840.586.820
▪ Dịch vụ đã cung ứng	111.732.926.537	24.862.500.092
▪ Cho thuê	4.751.697.503	699.118.213
▪ Tiêu dùng nội bộ	591.963.070	-
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.234.010.175	47.423.617
	520.217.068.059	530.449.628.742

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2010 VNĐ	2009 VNĐ Đã phân loại lại
Lãi tiền gửi	6.866.805.886	5.753.446.448
Cổ tức nhận được	7.491.815.163	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.330.071.550	1.281.443.307
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.637.628.844	289.898.421
Doanh thu tài chính khác	20.723.114	1.322.110
	17.347.044.557	7.326.110.286

25. Chi phí tài chính

	2010 VNĐ	2009 VNĐ Đã điều chỉnh lại/ phân loại lại
Chi phí lãi vay	3.696.015.317	7.849.104.326
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	475.431.167	2.090.755.080
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	12.155.907.219	18.377.743.504
Chi phí tài chính khác	28.407.640	-
	16.355.761.343	28.317.602.910

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

26. Chi phí khác

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lỗ do thanh lý tài sản cố định hữu hình	443.054.994	-
Xóa sổ tài sản cố định	-	665.103.358
Trả bồi thường do vi phạm hợp đồng	5.033.047.535	2.032.580.000
Chi phí khác	1.176.880.868	1.783.157.429
	6.652.983.397	4.480.840.787

27. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	9.863.554.276	17.497.295.098
Thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	2.027.397.461	(7.897.948.926)
Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận	(4.419.166.664)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	7.471.785.073	9.599.346.172

Lần quyết toán thuế TNDN gần đây nhất do Cục Thuế Hà Nội thực hiện liên quan đến năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006. Chi phí thuế TNDN của Tập đoàn liên quan đến năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007, 2008, 2009 và 2010 phụ thuộc vào việc rà soát và phê chuẩn của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2010 VNĐ	2009 VNĐ Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận trước thuế	40.181.155.417	68.897.054.107
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	10.045.288.855	17.224.263.527
Ưu đãi thuế	-	(347.230.063)
Giảm thuế	-	(7.498.840.756)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các công ty con	83.705.260	(1.041.690.189)
Ảnh hưởng của việc thay đổi thuế suất	-	(92.835.889)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	1.197.426.705	5.617.005.589
Chi phí không được khấu trừ thuế	4.524.655.535	966.812.465
Thu nhập không bị tính thuế	(2.033.566.354)	(2.703.078.617)
Ghi nhận các khoản lỗ tính thuế chưa được ghi nhận trước đó	(4.419.166.664)	-
Các bút toán hợp nhất không chịu thuế	(2.468.150.447)	(2.525.059.895)
Thuế từ đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	541.592.183	-
	7.471.785.073	9.599.346.172

Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009, hoạt động của Công ty và các công ty con thỏa mãn định nghĩa Doanh Nghiệp Nhỏ và Vừa và do đó Công ty và các công ty con được giảm 30 phần trăm chi phí thuế thu nhập hiện hành cho cả năm 2009.

(c) Thuế suất áp dụng

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, thuế suất thuế thu nhập của Công ty giảm từ 28% xuống 25% do thay đổi trong luật thuế thu nhập có hiệu lực.

Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN theo các mức thuế suất từ 10% đến 25% lợi nhuận tính thuế theo các điều khoản trong Đăng ký kinh doanh tương ứng của từng công ty con và các quy định về thuế hiện hành.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

28. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 35.929.432.241 VNĐ (2009: 59.507.235.729 VNĐ – đã điều chỉnh lại) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 17.028.042 (2009: 14.779.740) cổ phiếu, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2010 VNĐ	2009 VNĐ Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần trong năm	35.929.432.241	59.507.235.729

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2010	2009
Cổ phiếu phổ thông phát hành đầu năm	9.533.264	9.287.989
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành vào ngày 6 tháng 10 năm 2009	-	57.791
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng vào ngày 26 tháng 3 năm 2010	5.433.662	5.433.960
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành vào ngày 9 tháng 4 năm 2010	2.048.219	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành vào ngày 11 tháng 11 năm 2010	52.537	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại vào tháng 12 năm 2010	(39.640)	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	17.028.042	14.779.740

29. Cổ tức

Vào ngày 6 tháng 2 năm 2010, Hội đồng Quản trị của Công ty thông qua nghị quyết phân chia cổ tức trị giá 19.066.528.000 VNĐ (20% lợi nhuận sau thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009) và giá trị này đã được thanh toán đầy đủ cho các cổ đông trong năm 2010.

Trong năm trước, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua nghị quyết phân phối cổ tức trị giá 19.066.528.000 VNĐ (2.000 VNĐ/cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được nêu trong các thuyết minh khác của các báo cáo tài chính, Công ty và các công ty con có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Các công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Di động Trực tuyến		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	4.637.500.000
Công ty Cổ phần Viễn thông hàng không		
Bán hàng hóa và dịch vụ	5.129.277.527	9.037.724.684
Thành viên Ban Giám đốc		
Thù lao	1.001.968.378	1.417.777.067
Tiền lương	3.743.055.880	1.274.600.000
Các khoản vay cấp cho Ban Giám đốc	3.750.000.000	-
Thu nhập khác	367.400.000	-

31. Cam kết thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trong vòng một năm	3.863.289.120	8.165.615.405
Trong vòng hai đến năm năm	4.527.078.000	13.780.874.527
	8.390.367.120	21.946.489.932

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

32. Các khoản tiềm ẩn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có các khoản nợ tiềm ẩn sau:

(i) Thư tín dụng chưa thực hiện

	31/12/2010 VNĐ
Thư tín dụng chưa thực hiện	7.105.861.152

(ii) Nợ tiềm tàng

Chi phí thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp (“TNDN”) cho sáu năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đến 2010 của Công ty TNHH Giải pháp Ngân hàng và Tài chính HIPT (“HIBF Ltd.”), một công ty con sở hữu toàn phần bởi Tập đoàn, đã được tính trên cơ sở HIBF Ltd. được miễn thuế TNDN trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế, tức là các năm 2005, 2006, 2007 và 2008 và được giảm 50% thuế TNDN trong chín năm tiếp theo. Sau khi tiến hành thanh tra tại HIBF Ltd. vào năm 2008, Thanh tra Chính phủ cho rằng HIBF Ltd. không đủ điều kiện để được hưởng các ưu đãi thuế nói trên. HIBF Ltd. không đồng tình với kết luận này và đã và đang chủ động đề nghị các cơ quan thuế liên quan làm rõ vấn đề này. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, HIBF Ltd. chưa nhận được phản hồi chính thức từ các cơ quan thuế. Việc các cơ quan thuế có chấp thuận cho HIBF Ltd. áp dụng khung ưu đãi thuế nói trên hay không là một sự kiện không chắc chắn trọng yếu. Tại thời điểm hiện tại, sự tồn tại và giá trị của nghĩa vụ thuế phải nộp không xác định được do sự không chắc chắn trọng yếu này. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất không bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào về số công nợ và chi phí thuế có thể là cần thiết trong trường hợp các cơ quan thuế đưa ra kết luận cuối cùng rằng HIBF Ltd. không đủ điều kiện để được hưởng các ưu đãi thuế TNDN.

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	535.516.592.141	498.553.872.003
Chi phí nhân công	49.380.338.969	31.815.043.458
Chi phí khấu hao	4.398.104.878	9.324.274.555
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.879.731.359	47.548.567.573
Chi phí khác	15.230.535.334	18.314.256.814

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

34. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 2(c), kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, Tập đoàn đã thay đổi chính sách kế toán đối với các giao dịch bằng ngoại tệ. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, các số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được điều chỉnh lại. Ngoài ra, một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày năm hiện thời. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước và sau khi được điều chỉnh/phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán

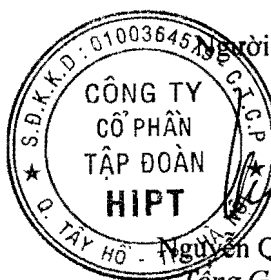
	31/12/2009 (điều chỉnh/ phân loại lại) VNĐ	31/12/2009 (theo báo cáo trước đây) VNĐ
Phải trả người lao động	1.960.054.753	1.124.154.753
Chi phí phải trả	3.716.904.579	4.552.804.579
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(1.800.856.659)
Lợi nhuận chưa phân phối	56.892.883.719	58.693.740.378

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2009 VNĐ (điều chỉnh/ phân loại lại)	2009 VNĐ (theo báo cáo trước đây)
Thu nhập tài chính	7.326.110.286	7.034.966.109
Chi phí tài chính	(28.317.602.910)	(26.225.602.074)

Người lập:

Nguyễn Trần Hiền
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Quang Hải
 Tổng Giám đốc

08 -04- 2011